

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày 29 - 5 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Cương

Bà Nguyễn Thị Kim Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2018/TLST - HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Chung K, sinh năm 1984 tại thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: tổ x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1955 và bà Lê Thị C, sinh năm 1956, có vợ và 02 con; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án: Tại bản án số 168/2013/HSST ngày 27/9/2013 của TAND huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc, án phí HSST là 200.000đ; K chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 07/02/2014, án phí xong tháng 4/2014. Nhân thân: Tại bản án số 71/2011/HSST ngày 13/7/2011 của TAND thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc, án phí HSST là 200.000; K chấp hành xong hình phạt và án phí ngày 05/9/2011, đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22 tháng 01 năm 2018 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tam giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm 1980, vắng mặt.
- Địa chỉ: Thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Người làm chứng:
 - Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1988, vắng mặt
 - Anh Nguyễn Đại B, sinh năm 1983, vắng mặt
 - Anh Bùi Duy T2, sinh năm 1982, vắng mặt
 - Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 12/01/2016, Nguyễn Văn T3 sinh năm 1986, ở tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc điều khiển xe mô tô Sirius, màu trắng (không rõ biển kiểm soát và nguồn gốc xe) chở sau là Nguyễn Văn L, sinh năm 1984, ở phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Chung K vào hồ Đ thuộc xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc chơi. Trên đường đi, khi đi qua cổng nhà Chị Trần Thị T sinh năm 1980, ở Thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, K nhìn thấy trong sân nhà chị T có dựng một chiếc xe mô tô Sirius, BKS 88H1-xxx.xx (xe vẫn cắm chìa khóa điện), bên thân xe có treo 01 mũ bảo hiểm Honda màu trắng (loại mũ có kính chắn gió), K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên nên liền nói với L “*Tao vừa nhìn thấy có chiếc xe Sirius chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa*”, (L hiểu ý K rủ L trộm cắp chiếc xe mô tô nêu trên), L đồng ý. Thấy L đồng ý, K bảo T3 dừng xe đứng chờ ở đầu ngõ, còn K và L xuống xe sau đó quay lại đi về phía nhà chị T (T3 không biết K và L đi vào nhà chị T để trộm cắp xe). L đứng ở cổng cảnh giới để K vào trong sân đất xe mô tô BKS 88H1-xxx.xx của chị T ra ngoài cổng. Thấy K lấy được xe, L đi bộ ra đầu ngõ chỗ T3 ngồi chờ và ngồi lên xe bảo T3 nổ máy đèo L đi trước, còn K phóng xe mô tô vừa trộm cắp được theo sau. Khi T3 đèo L đi được khoảng 500m thì dừng lại, T3 đi xe về nhà có việc, còn L ngồi lên xe mà K và L vừa trộm cắp được bỏ chạy sang xã M, huyện S, thành phố Hà Nội để tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, K dừng lại kiểm tra bên trong cốp xe có 01 ví giả da, bên trong ví có 01 đăng ký xe mô tô BKS 88H1-xxx.xx, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Thị Tuyết; 01 áo mưa cũ không còn giá trị sử dụng, sau đó K vứt bỏ áo mưa xuống ven đường, hiện cơ quan điều tra không thu hồi được.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi L và K trộm cắp được xe của chị T. Lúc này Anh Đỗ Văn C, là hàng xóm (ở đối diện nhà chị T) đi làm về đến cổng, anh C nhìn thấy K và L có biểu hiện nghi ngờ nên đến hỏi chị T nhà có bị mất gì không, chị T ra kiểm tra và phát hiện bị mất 01 xe mô tô Sirius, BKS 88H1-xxx.xx nên đi trình báo công an.

Sau khi biết nhà chị T bị mất xe, anh C gọi điện cho Bùi Duy T2 là người ở cùng thôn nói về việc nghi ngờ K trộm cắp xe của chị T. Vì không có số điện thoại của K nên anh T2 điện thoại cho anh Nguyễn Đại B, (bạn K) bảo gọi điện cho K đem xe về trả cho chị T. Anh B kiểm tra không có số điện thoại của K nên điện thoại cho L nói về việc có người nhìn thấy K trộm cắp xe của nhà chị T ở xã N và yêu cầu K đem xe về trả lại cho chị T. Sau khi nhận được điện thoại của Bách, L nói lại với K nội dung B gọi điện. Thấy bị phát hiện, K và L bàn nhau đem xe mô tô trộm cắp đến gửi tại quầy bán hoa quả của chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1969 ở xã M, huyện S, thành phố Hà Nội (chị T4 không biết đó là xe trộm cắp). Thống nhất xong K gọi điện lại cho anh B, lúc này K thừa nhận K và L đã trộm cắp chiếc xe của chị T, đồng thời nói xe trộm cắp gửi tại quầy bán hoa quả của chị T4 và nhờ anh B đến lấy xe đem về trả cho chị T. Anh B đồng ý, đến gặp chị T4 lấy xe. Nhận được xe, anh B đem về giao nộp cho cơ quan điều tra công an thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi nhờ được anh B đồng ý đem xe về trả cho chị T, K và L cùng nhau bỏ trốn. Trên đường bỏ trốn đến gần khu vực xã M, huyện S, thành phố Hà Nội thì K và L bị cơ quan công an phát hiện và đưa về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra, lợi dụng sơ hở K đã bỏ trốn.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ: 01 chiếc xe Sirius, màu đỏ đen, BKS 88H1-xxx.xx cùng đăng ký của xe; 01 mũ bảo hiểm Honda loại mũ cả đầu, có kính, màu trắng đã cũ; 01 ví giả da màu hồng đã qua sử dụng và 01 thẻ bảo hiểm y tế của chị T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15 ngày 13/01/2016 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phúc Yên, xác định tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 12.180.000đ (*Mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*).

Ngày 14/01/2016, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên đã khởi tố vụ án, khởi tố đối với Nguyễn Chung K và Nguyễn Văn L về tội trộm cắp tài sản. Ngày 13/4/2016, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên có quyết định tách vụ án hình sự số 01, Quyết định Tạm đình chỉ điều tra số 04 và Quyết định truy nã số 03 đối với Nguyễn Chung K. Đến ngày

22/01/2018, cơ quan Công an thành phố Phúc Yên đã bắt được K theo quyết định truy nã.

Đối với Nguyễn Văn T3 là người điều khiển xe mô tô đèo K và L đi qua nhà chị T. Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra đã triệu tập lấy lời khai của T3 nhưng T3 khẳng định không biết và không tham gia cùng K và L trộm cắp xe của chị T. Ngoài ra K và L đều khẳng định khi cả hai vào trộm cắp xe của chị T, T3 không được K và L bàn bạc, rủ rê việc trộm cắp, không được phân công đứng canh giới và tiêu thụ tài sản trộm cắp. Do vậy cơ quan điều tra không xử lý đối với T3 là có căn cứ.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn L và vật chứng đã được giải quyết tại Bản án số 36/2016/HSST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT - VKS ngày 07 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố Nguyễn Chung K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 01 năm 2018.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra và của Tòa án.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bản thân bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo biết mình đã sai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Chung K thừa nhận hành vi: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 12 tháng 01 năm 2016, Nguyễn Văn L đứng cạnh giới, bị cáo lén lút vào sân nhà Chị Trần Thị T ở Thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc chiếm đoạt 01 chiếc mô tô Sirius, BKS 88H1-xxx.xx; 01 mũ bảo hiểm và ví giả da của chị T có tổng giá trị là 12.180.000đ (mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Xét lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo cáo trạng số: 28/CT - VKSPY ngày 07 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi trộm cắp xe máy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó ảnh hưởng đến trật tự trị an chung, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Đặc biệt trong thời gian qua tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra khá phổ biến trên địa bàn xã N, thành phố P, mặc dù các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tuyên truyền và phổ biến pháp luật nhưng tội phạm trên vẫn không thuyên giảm. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử không chỉ nhằm giáo dục riêng cho bị cáo mà còn mang tính giáo dục phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo K là người có sức khỏe được gia đình nuôi ăn học hết 9/12 nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính lương thiện mà lợi dụng sơ hở của người khác để lén lút chiếm đoạt tài sản. Trong vụ án này bị cáo là người giữ vai trò chính, rủ rê L và bị cáo trực tiếp vào lấy xe của chị T. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan

bảo vệ pháp luật. Bản thân bị cáo đã từng bị TAND thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc tại bản án số 71/2011/HSST ngày 13/7/2011, đến nay đã được xóa án tích. Sau đó bị cáo lại bị TAND huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc tại bản án số 168/2013/HSST ngày 27/9/2013, chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, cần phải xử bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo K phải chịu tình tiết tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Sau khi cân nhắc nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả xảy ra. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo K trộm cắp tài sản nhưng qua xác minh tại địa phương bị cáo là không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 36/2016/HSST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo phải chịu theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chung K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Chung K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2018.

Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Chung K phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, V.P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh